

Số: 2510 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục, quy trình nội bộ giải quyết từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2108/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Kế hoạch thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục, quy trình nội bộ từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trưởng thuộc Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Đông



PHỤ LỤC

Đang mục, quy trình nội bộ từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2510 /QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
I - Lĩnh vực Đường bộ (Quyết định số 2224/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2020, Quyết định số 4928/QĐ-TCĐBVN ngày 30/10/2020)		
1	Chấp thuận cơ sở đào tạo Thăm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Tổng cục ĐBVN
2	Cấp lại chấp thuận cơ sở đào tạo Thăm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Tổng cục ĐBVN
3	Cấp Chứng chỉ Thăm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Tổng cục ĐBVN
4	Cấp lại Chứng chỉ Thăm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Tổng cục ĐBVN
5	Cấp đổi Chứng chỉ Thăm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Tổng cục ĐBVN
6	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	Tổng cục ĐBVN
7	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	Tổng cục ĐBVN
8	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia	Tổng cục ĐBVN
9	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia - <i>Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thương mại</i> - <i>Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại</i>	Tổng cục ĐBVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
10	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia	Tổng cục ĐBVN
11	Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia	Tổng cục ĐBVN
12	Chấp thuận ngừng khai thác tuyến, điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia	Tổng cục ĐBVN
13	Cấp Giấy phép liên vận qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	Tổng cục ĐBVN
14	Cấp lại Giấy phép liên vận qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	Tổng cục ĐBVN
15	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam	Tổng cục ĐBVN
16	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam	Tổng cục ĐBVN
17	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	Tổng cục ĐBVN
18	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	Tổng cục ĐBVN
19	Chấp thuận đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Tổng cục ĐBVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
20	Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Tổng cục ĐBVN
21	Chấp thuận ngừng khai thác tuyến chạy xe tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Tổng cục ĐBVN
22	Chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Tổng cục ĐBVN
23	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã	Tổng cục ĐBVN
24	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã	Tổng cục ĐBVN
25	Cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã	Tổng cục ĐBVN
26	Cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã	Tổng cục ĐBVN
27	Cấp Giấy phép vận tải cho xe công vụ	Tổng cục ĐBVN
28	Cấp Giấy phép vận tải loại A, E; loại B, C, F, G lần đầu trong năm (<i>đối với Giấy phép vận tải loại E; F, G</i>)	Tổng cục ĐBVN
29	Cấp lại Giấy phép vận tải loại A, B, C, D, E, F, G (<i>đối với Giấy phép vận tải loại D, E</i>)	Tổng cục ĐBVN
30	Cấp Giấy giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D đối với phương tiện của Việt Nam	Tổng cục ĐBVN
31	Cấp Giấy phép vận tải loại D đối với phương tiện của Trung Quốc	Tổng cục ĐBVN
32	Chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Tổng cục ĐBVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
33	Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ	Tổng cục ĐBVN
34	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	Tổng cục ĐBVN
35	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	Tổng cục ĐBVN
36	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động (<i>đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2</i>)	Tổng cục ĐBVN
37	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Tổng cục ĐBVN
38	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Tổng cục ĐBVN
39	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Tổng cục ĐBVN
40	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	Tổng cục ĐBVN
41	Cấp Giấy phép xe tập lái	Tổng cục ĐBVN
42	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	Tổng cục ĐBVN
43	Cấp mới Giấy phép lái xe	Tổng cục ĐBVN
44	Cấp lại Giấy phép lái xe	Tổng cục ĐBVN
45	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Tổng cục ĐBVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
46	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	Tổng cục ĐBVN
47	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	Tổng cục ĐBVN
48	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	Tổng cục ĐBVN
49	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	Tổng cục ĐBVN
50	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	Tổng cục ĐBVN
51	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
52	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác	Cục QLXD
53	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ	Tổng cục ĐBVN
54	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ	Tổng cục ĐBVN
55	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	Tổng cục ĐBVN
56	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác	Tổng cục ĐBVN
57	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	Tổng cục ĐBVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
58	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	Tổng cục ĐBVN/Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
59	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	Tổng cục ĐBVN/Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
II - Lĩnh vực Đường sắt (Quyết định số 2564/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019, Quyết định số 590/QĐ-CĐSVN ngày 23/10/2020)		
1	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Cục ĐSVN
2	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp, đường ngang	Cục ĐSVN
3	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Cục ĐSVN
4	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Cục ĐSVN
5	Bãi bỏ đường ngang	Cục ĐSVN
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Cục ĐSVN
7	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Cục ĐSVN
8	Xóa, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Cục ĐSVN
9	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu	Cục ĐSVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
10	Cấp lại giấy phép lái tàu	Cục ĐSVN
11	Cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị cho người nước ngoài đã có giấy phép lái tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp	Cục ĐSVN
12	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
13	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
14	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt <i>- Gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt</i> <i>- Bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt</i>	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
15	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
III - Lĩnh vực Hàng hải (Quyết định số 2564/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019, Quyết định số 2224/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2020, Quyết định số 17/QĐ-CHHVN ngày 03/01/2020)		
1	Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam	Cục HHVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
2	Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Cục HHVN
3	Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Cục HHVN
4	Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	Cục HHVN; Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
5	Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp	Cục HHVN
6	Đổi tên cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước, cảng dầu khí ngoài khơi đã được công bố	Cục HHVN; Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
7	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	Cục HHVN
8	Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã được phê duyệt chủ trương chuyển đổi thành cảng cạn	Cục HHVN; Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
9	Chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn	Cục HHVN; Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
10	Giao tuyến dẫn tàu	Cục HHVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
11	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	Cục HHVN
12	Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng	Cục HHVN
13	Thủ tục cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải	Cục HHVN
14	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải	Cục HHVN
15	Đổi tên cảng cạn	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
16	Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
17	Công bố đóng cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
18	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	Vụ An toàn giao thông
19	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	Vụ An toàn giao thông
20	Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
21	Cấp Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	Cục HHVN
22	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	Cục HHVN; Vụ Môi

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
		trường
23	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu (CLC 1992)	Cục HHVN
24	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001 (BCC)	Cục HHVN
25	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Vụ Kế hoạch đầu tư
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	Cục HHVN
27	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	Cục HHVN
28	Trả lời sự phù hợp quy hoạch cảng cạn	Cục HHVN
29	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	Cục HHVN
30	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển	Cục HHVN
31	Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước (bao gồm cả việc đưa kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vào sử dụng)	Cục HHVN
32	Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước	Cục HHVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
33	Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Cục HHVN
34	Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu vận chuyển chất phóng xạ	Vụ Vận tải
35	Cấp lại Sổ thuyền viên	Cục HHVN
36	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Cục HHVN; Cục ĐTNĐVN
37	Chấp thuận đặt tên tàu biển	Cục HHVN
38	Đăng ký tàu biển không thời hạn	Cục HHVN
39	Đăng ký tàu biển có thời hạn	Cục HHVN
40	Đăng ký tàu biển tạm thời	Cục HHVN
41	Đăng ký tàu biển đang đóng	Cục HHVN
42	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	Cục HHVN
43	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Cục HHVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
44	Xóa đăng ký	Cục HHVN
45	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện	Cục HHVN
46	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	Cục HHVN
47	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ trên tàu chở dầu, tàu hóa chất hoặc khí ga hóa lỏng (GCNHLNVĐB)	Cục HHVN
48	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Cục HHVN
49	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Cục HHVN
50	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	Cục HHVN
51	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	Cục HHVN
52	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	Cục HHVN
53	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Cục HHVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
54	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Cục HHVN
55	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyển vùng hoạt động	Cục HHVN
56	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Cục HHVN
57	Cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải Phần I	Cục HHVN
58	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Cục HHVN, Vụ Môi trường
59	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài	Cục HHVN, Vụ Vận tải
60	Đăng ký và cấp Sổ thuyền viên	Cục HHVN
61	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Cục HHVN, Vụ Môi trường
IV - Lĩnh vực Đường thủy nội địa (Quyết định số 2224/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2020, Quyết định số 1368/QĐ-CĐTNĐ ngày 28/10/2020)		
1	Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia	Cục ĐTNĐVN
2	Cấp lại Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia	Cục ĐTNĐVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
3	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (Trường hợp không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cảng thủy nội địa có khu đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương hoặc vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên vùng nước cảng biển)	Cục ĐTNĐVN
4	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (<i>Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>)	Cục ĐTNĐVN
5	Công bố lại cảng thủy nội địa (<i>Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i>)	Cục ĐTNĐVN
6	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Cục ĐTNĐVN
7	Phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa và cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Cục ĐTNĐVN
8	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Cục ĐTNĐVN
9	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở từ loại 3 trở lên trong phạm vi toàn quốc	Cục ĐTNĐVN
10	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở từ loại 3 trở lên trong phạm vi toàn quốc	Cục ĐTNĐVN
11	Dự thi lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ thuyền trưởng hạng tư, máy trưởng hạng	Cục ĐTNĐVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
	ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục ĐTNĐVN và dự kiểm tra lấy chứng chỉ chuyên môn đặc biệt	
12	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ hạng tư trở lên, máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục ĐTNĐVN và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt	Cục ĐTNĐVN
13	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN
14	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN
15	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Cục ĐTNĐVN
16	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Cục ĐTNĐVN
17	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Cục ĐTNĐVN
18	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Cục ĐTNĐVN
19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Cục ĐTNĐVN
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Cục ĐTNĐVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
21	Xóa đăng ký phương tiện	Cục ĐTNĐVN
22	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên ĐTNĐ quốc gia.	Cục ĐTNĐVN
23	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng ĐTNĐ chuyên dùng nối với ĐTNĐ quốc gia	Cục ĐTNĐVN
24	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng ĐTNĐ chuyên dùng nối với ĐTNĐ quốc gia	Cục ĐTNĐVN
25	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến ĐTNĐ quốc gia; ĐTNĐ chuyên dùng nối với ĐTNĐ quốc gia; ĐTNĐ chuyên dùng đi qua hai tỉnh trở lên; ĐTNĐ chuyên dùng nối ĐTNĐ quốc gia với ĐTNĐ địa phương.	Cục ĐTNĐVN
26	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa quốc gia	Cục ĐTNĐVN, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
27	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Cục HHVN, Cục ĐTNĐVN
28	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa quốc gia	Cục ĐTNĐVN, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
29	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc đường thủy	Cục ĐTNĐVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
	nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương	
30	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương	Cục ĐTNĐVN, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
V - Lĩnh vực Hàng không (Quyết định số 2224/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2020, Quyết định số 2841/QĐ-CHK ngày 02/12/2019)		
1	Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
2	Cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
3	Cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
4	Thủ tục Cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
5	Thủ tục Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
6	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	Cục HKVN
7	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	Cục HKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
8	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam (doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình)	Cục HKVN
9	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài	Cục HKVN
10	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	Cục HKVN
11	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	Cục HKVN
12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không	Cục HKVN
13	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	Cục HKVN
14	Thủ tục Cấp mới thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn của Cục HKVN	Cục HKVN
15	Thủ tục Cấp lại thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn của Cục HKVN	Cục HKVN
16	Thủ tục Cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không	Cục HKVN
17	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay	Cục HKVN
18	Thủ tục Cấp Giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	Cục HKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
19	Thủ tục Cấp lại Giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	Cục HKVN
20	Thủ tục Cấp Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay	Cục HKVN
21	Thủ tục Cấp lại Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay	Cục HKVN
22	Thủ tục Gia hạn năng định cho người lái tàu bay	Cục HKVN
23	Thủ tục Cấp Giấy phép, năng định cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT)	Cục HKVN
24	Thủ tục Cấp lại Giấy phép, năng định cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT)	Cục HKVN
25	Thủ tục Gia hạn năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT)/nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	Cục HKVN
26	Thủ tục Cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay	Cục HKVN
27	Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay	Cục HKVN
28	Thủ tục đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay	Cục HKVN
29	Thủ tục xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay	Cục HKVN
30	Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay	Cục HKVN
31	Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay	Cục HKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
32	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay	Cục HKVN
33	Thủ tục Cấp mã số AEP	Cục HKVN
34	Thủ tục Đăng ký văn bản IDERA	Cục HKVN
35	Thủ tục Xóa đăng ký văn bản IDERA	Cục HKVN
36	Thủ tục Sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay	Cục HKVN
37	Cấp lại Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
38	Cấp Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (giấy phép khai thác cơ sở ANS)	Cục HKVN
39	Thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
40	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	Cục HKVN
41	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam	Cục HKVN
42	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	Cục HKVN
43	Thủ tục chấp thuận đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác	Cục HKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
44	Thủ tục chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
45	Thủ tục sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay	Cục HKVN
46	Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
47	Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
49	Kê khai giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không	Cục HKVN
50	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
51	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
52	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
53	Thủ tục đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
54	Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
55	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
56	Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam	Cục HKVN
57	Cấp phép bay quá cảnh cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam	Cục HKVN
58	Mở cảng hàng không, sân bay	Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, TTgCP
59	Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
60	Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay	Cục HKVN
61	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Vụ Vận tải
62	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Vụ Vận tải
63	Thủ tục Phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài	Cục HKVN
64	Thủ tục sửa đổi, bổ sung chương trình an ninh, quy chế an ninh hàng không	Cục HKVN
65	Thủ tục phê chuẩn Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay	Cục HKVN
66	Thủ tục Phê chuẩn Tổ chức chế tạo sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay	Cục HKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
67	Đăng ký Điều lệ vận chuyển của hãng hàng không Việt Nam	Cục HKVN
68	Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài	Cục HKVN
69	Cấp quyền vận chuyển hàng không	Cục HKVN
70	Phê duyệt Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không	Cục HKVN
71	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại	Cục HKVN
72	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại	Cục HKVN
73	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác đối với hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại	Cục HKVN
74	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức chế tạo sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay	Cục HKVN
75	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức thiết kế sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay	Cục HKVN
76	Phê chuẩn sửa đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng của người khai thác tàu bay	Cục HKVN
77	Thủ tục Phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng (SIM)	Cục HKVN
78	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay	Cục HKVN
79	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu	Cục HKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
80	Cấp, công nhận Giấy chứng nhận loại	Cục HKVN
81	Thủ tục cấp, gia hạn, công nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay	Cục HKVN
82	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cục HKVN
83	Thủ tục Sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cục HKVN
84	Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cục HKVN
85	Thủ tục Gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay	Cục HKVN
86	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Cục HKVN
87	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Cục HKVN
88	Thủ tục đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam	Cục HKVN
89	Thủ tục đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam	Cục HKVN
90	Thủ tục xóa đăng ký quốc tịch tàu bay	Cục HKVN
91	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay	Cục HKVN
VI - Lĩnh vực Đăng kiểm (Quyết định số 1813/QĐ-ĐKVN ngày 22/12/2020)		

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
1	Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa	Cục ĐKVN
2	Công nhận đăng kiểm viên (lần đầu) phương tiện thủy nội địa	Cục ĐKVN
3	Công nhận lại đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa	Cục ĐKVN
4	Công nhận nâng hạng Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa	Cục ĐKVN
5	Công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa trong trường hợp đặc biệt	Cục ĐKVN
6	Cấp văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam	Cục ĐKVN
7	Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển	Cục ĐKVN
8	Thủ tục công nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển	Cục ĐKVN
9	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực nhập khẩu sử dụng trong giao thông vận tải	Cục ĐKVN
10	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực nhập khẩu sử dụng trong giao thông vận tải	Cục ĐKVN
11	Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi,	Cục ĐKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
	hoán cải	
12	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	Cục ĐKVN
13	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại dùng cho xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp	Cục ĐKVN
14	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại linh kiện xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	Cục ĐKVN
15	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	Cục ĐKVN
16	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới sản xuất, lắp ráp	Cục ĐKVN
17	Cấp giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống được sản xuất, lắp ráp	Cục ĐKVN
18	Cấp giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống được nhập khẩu	Cục ĐKVN
19	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện được sản xuất, lắp ráp	Cục ĐKVN
20	Cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Cục ĐKVN
21	Cấp lại giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện	Cục ĐKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
	giao thông đường sắt	
22	Cấp giấy chứng nhận thẩm định an toàn hệ thống đường sắt đô thị	Cục ĐKVN
23	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị	Cục ĐKVN
24	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Cục ĐKVN
25	Duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển	Cục ĐKVN
26	Thẩm định thiết kế tàu biển	Cục ĐKVN
27	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình biển)	Cục ĐKVN
28	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	Cục ĐKVN
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Cục ĐKVN
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Cục ĐKVN
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới	Cục ĐKVN
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới trường hợp hết thời hạn hiệu lực	Cục ĐKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
33	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới trường hợp bị mất, bị hỏng	Cục ĐKVN
34	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp các linh kiện sử dụng để lắp ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc	Cục ĐKVN
35	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc	Cục ĐKVN
36	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy	Cục ĐKVN
37	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại linh kiện xe mô tô, xe gắn máy	Cục ĐKVN
38	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
39	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
40	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
41	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế ô tô thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP	Cục ĐKVN
42	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
43	Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
44	Cấp mở rộng, bổ sung Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
45	Cấp đổi Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại sản phẩm (xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP)	Cục ĐKVN
46	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe máy chuyên dùng cải tạo	Cục ĐKVN
VIII - Lĩnh vực khác (Quyết định số 2564/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019, Quyết định 2224/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2020)		
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	Vụ Vận tải
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	Vụ Vận tải
3	Chấp thuận cho phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam	Vụ Vận tải
4	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Giao thông vận tải Việt Nam”	Vụ Tổ chức cán bộ
5	Xét tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua Ngành Giao thông vận tải	Vụ Tổ chức cán bộ
6	Xét tặng Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Giao thông vận tải	Vụ Tổ chức cán bộ
7	Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Vụ Tổ chức cán bộ

STT	Tên thủ tục	Đơn vị giải quyết
8	Cho phép nhập khẩu hàng hóa để nghiên cứu khoa học	Vụ Khoa học – Công nghệ